

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 52/TTr-SLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*29/*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ LĐ-TBXH (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-50b).



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

KẾ HOẠCH

**Thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn
do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ
*(Kèm theo Quyết định số **907** /QĐ-UBND ngày **29** /4/2020 của UBND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg nhằm chia sẻ khó khăn, đảm bảo cuộc sống của nhân dân, người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, góp phần ổn định xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, kịp thời, không để lợi dụng, trục lợi chính sách. Đối tượng hỗ trợ thuộc diện được hưởng từ 02 chính sách trở lên tại Nghị quyết số 42/NQ-CP thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục

a) Hỗ trợ người có công với cách mạng

- Căn cứ danh sách đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng (bao gồm cả thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng, thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hằng tháng) trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4 năm 2020, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng, đơn vị và UBND cấp xã rà soát, đối chiếu không để trùng đối tượng, tổng hợp danh sách (theo Mẫu số 05 của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg kèm theo), trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 10/5/2020.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho đối tượng.

b) Hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội

- Căn cứ danh sách đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng (tháng 4 năm 2020), Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng, đơn vị và UBND cấp xã rà soát, đối chiếu không để trùng đối tượng, tổng hợp danh sách (theo Mẫu số 07 của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg kèm theo) trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 10/5/2020.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho đối tượng.

c) Hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được quyết định công nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đối chiếu không để trùng. đối tượng, tổng hợp danh sách (theo Mẫu số 08, 09 của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg kèm theo) và bảng tổng hợp (theo Mẫu số 10 của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg kèm theo) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 10/5/2020

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho đối tượng.

d) Các đối tượng khác

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

2. Đơn vị thực hiện chi trả

a) Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố chi trả cho các đối tượng

- Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương (điều kiện quy định tại Điều 1, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

- Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng (bao gồm cả thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng) (điều kiện quy định tại Điều 9, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

b) UBND cấp xã chi trả cho các đối tượng

- Hộ kinh doanh cá thể (điều kiện quy định tại Điều 3, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

- Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (điều kiện quy định tại Điều 5, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm (điều kiện quy định tại Điều 7, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (điều kiện quy định tại Điều 10, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

c) **Bưu điện tỉnh** chỉ đạo, thực hiện chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (điều kiện quy định tại Điều 11, Quyết định 15/2020/QĐ-TTg).

d) **Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh** chỉ đạo, thực hiện cho vay vốn đối với người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính để trả lương ngừng việc đối với người lao động theo quy định tại khoản 2 Mục II Nghị quyết 42/NQ-CP.

3. Về tuyên truyền

Các cấp, các ngành tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến các đối tượng bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 về các chính sách hỗ trợ; đồng thời vận động doanh nghiệp và cộng đồng xã hội cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc đảm bảo cuộc sống cho người lao động và các đối tượng bị ảnh hưởng do dịch bệnh.

4. Về kiểm tra, giám sát

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thành lập ban giám sát các cấp để giám sát việc thực hiện ngay từ khâu lập danh sách, niêm yết công khai tại cộng đồng dân cư và chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng đảm bảo theo quy định.

Các cấp, các ngành có liên quan tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ để không sai, sót, trùng lặp đối tượng, kịp thời ngăn chặn việc lợi dụng chính sách để trục lợi.

5. Kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí hỗ trợ người bán lẻ xô số lưu động được đảm bảo từ các nguồn tài chính hợp pháp của Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Đắc Lắc theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

- Nguồn vốn để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP là nguồn vay tái cấp vốn từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ các đối tượng còn lại: từ ngân sách trung ương hỗ trợ; nguồn dự phòng ngân sách (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã); quỹ dự trữ tài chính địa phương, nguồn cải cách tiền lương còn dư và nguồn tài chính hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với các ngành có liên quan kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh. Kịp thời đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ cho các đối tượng trên cơ sở thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện tại các địa phương, kịp thời xử lý những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền.

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện định kỳ hằng tuần, hằng tháng và sau khi hoàn thành thực hiện hỗ trợ.

2. Sở Tài chính

a) Bảo đảm nguồn ngân sách để thực hiện kịp thời các chính sách quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg cho các đơn vị, địa phương.

b) Hướng dẫn việc phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định; định kỳ, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề nghị Trung ương xem xét hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Chủ trì, hướng dẫn người sử dụng lao động về thủ tục, hồ sơ và thực hiện cho vay theo quy định.

b) Tổng hợp, báo cáo việc thực hiện cho người sử dụng lao động vay trả tiền lương ngừng việc cho người lao động trước ngày 20 hằng tháng để Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn Chi cục thuế các huyện, thành phố, khu vực việc thực hiện các nội dung có liên quan đến ngành.

b) Phối hợp cùng địa phương thống kê số đối tượng là hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 để UBND cấp huyện đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ theo quy định.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Triển khai, hướng dẫn thực hiện tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại khoản 1 Mục III Nghị quyết số 42/NQ-CP.

b) Thực hiện xác nhận danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và danh sách người lao động bị ngừng việc đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, các Sở, ngành, địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Kế hoạch này trên địa bàn.

b) Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách, nguồn cải cách tiền lương còn dư và nguồn tài chính hợp pháp khác để kịp thời triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện (số thực chi có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) cho Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ.

c) Chủ trì xác định, tổng hợp danh sách, hồ sơ theo biểu mẫu quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

Thẩm định và chịu hoàn toàn trách nhiệm về danh sách các đối tượng được hưởng chế độ quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg trên địa bàn.

d) Chỉ đạo niêm yết công khai toàn bộ danh sách các đối tượng được hưởng chế độ tại các thôn (buôn, tổ dân phố), xã (phường, thị trấn) và cơ quan, đơn vị nơi đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tại địa phương; phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để trục lợi chính sách, tham nhũng, tiêu cực.

e) Chỉ đạo UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan chi trả cho đối tượng và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hiện hành.

8. Các Sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tập trung quán triệt, khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý những vướng mắc phát sinh, định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

9. Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắk Lắk có trách nhiệm chuyển số tiền tương ứng cho UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan theo quy định (sau khi có danh sách người bán vé số được hỗ trợ và được xác nhận theo quy định).

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg. 



Phạm Ngọc Nghị

UBND

DANH SÁCH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ĐẠI DỊCH COVID-19

Tổng số người:

Tổng số tiền: đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/T hẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Trùng đối tượng NCC hoặc đối tượng khác trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ghi rõ đối tượng trùng)	Số tiền (đồng)
		Nam	Nữ			NCC đang hưởng TCUD hàng tháng (ghi rõ đối tượng)	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng:								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm 2020

UBND

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

A. Ghi số thứ tự từ 1 đến hết

B. Ghi rõ, đầy đủ họ và tên người thuộc đối tượng nhận hỗ trợ; ghi lần lượt theo từng đối tượng để tiện theo dõi, tổng hợp, kiểm tra

Cột 1, 2. Ghi rõ ngày tháng năm sinh của đối tượng

Cột 3. Ghi số CMND, Thẻ căn cước công dân

Cột 4. Ghi chi tiết địa chỉ của đối tượng

Cột 5, 6. Ghi loại đối tượng theo chính sách hiện đang hưởng như: Thương binh, bệnh binh...

Cột 7. Ghi rõ trùng đối tượng NCC với các đối tượng hỗ trợ khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

UBND

Mẫu số 07

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

Tổng số đối tượng:..... Tổng kinh phí hỗ trợ:..... đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng bảo trợ xã hội	Số tiền (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
3								
4								
5								
	Tổng cộng:							

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm 2020
 UBND
 (Ký tên và đóng dấu)

UBND

Mẫu số 08

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Tổng số người:

Tổng số tiền: đồng

Số TT		Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ; vợ; chồng; con; cha, mẹ; ông, bà; cháu; anh, em; khác)	Năm sinh		Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (nếu có)	Địa chỉ, nơi cư trú	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/ tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
Hộ	Thành viên hộ			Nam	Nữ						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7x8
1	1	Nguyễn Văn A	Chủ hộ								
	2	...	Vợ								
	3	...									
2	1	...	Chủ hộ								
	2	...	Con								
	3										
		Tổng cộng									

Ghi chú: Thông tin cột 6, 7, 8, 9 chỉ ghi ở dòng chủ hộ

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2020
UBND
(Ký tên và đóng dấu)

UBND

Mẫu số 09

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Tổng số người:

Tổng số tiền: đồng

Số TT		Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ (chủ hộ; vợ; chồng; con; cha, mẹ; ông, bà; cháu; anh, em; khác)	Năm sinh		Số chứng minh nhân dân/The căn cước công dân (nếu có)	Địa chỉ, nơi cư trú	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/ tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
Hộ	Thành viên hộ			Nam	Nữ						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7x8
1	1	Nguyễn Văn A	Chủ hộ								
	2	...	Vợ								
	3										
2	1	...	Chủ hộ								
	2	...	Con								
	3										
		Tổng cộng									

Ghi chú: Thông tin cột 6, 7, 8, 9 chỉ ghi ở dòng chủ hộ

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm 2020
UBND
(Ký tên và đóng dấu)

UBND.....

Mẫu số 10

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Số TT	Đơn vị	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo			Tổng số khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được đề nghị hỗ trợ	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được đề nghị hỗ trợ	Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo được đề nghị hỗ trợ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7=3+6	8	9=7x8	10
1	Thôn/Xã										
2	Thôn/Xã										
...											
	Tổng cộng										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm 2020
UBND
(Ký tên và đóng dấu)

UBND

Mẫu số 15

**TỔNG HỢP SỐ NGƯỜI, SỐ TIỀN ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG
ĐẠI DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 42/NQ-CP**

STT	Đối tượng	Kỳ báo cáo từ ... đến ...		Lũy kế	
		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
A	B	1	2	3	4
TỔNG CỘNG					
1	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương				
2	Hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm				
3	Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.				
4	Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm.				
5	Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng				
6	Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng				
7	Người thuộc hộ nghèo				
8	Người thuộc hộ cận nghèo				
9	Người sử dụng lao động khó khăn về tài chính vay vốn trả lương cho người lao động				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm 2020
UBND
(Ký tên và đóng dấu)